

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 253/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động
của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Bãi bỏ Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

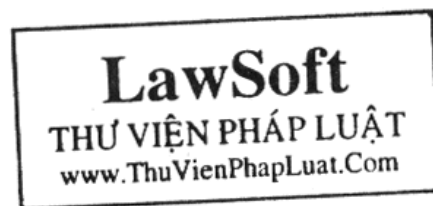
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 253/2006/QĐ-TTg
ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG



Điều 1. Quy chế này quy định về hoạt động, chính sách và quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế mở Chu Lai (sau đây viết tắt là KKTM Chu Lai); quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và các nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng tại KKTM Chu Lai.

Điều 2.

1. KKTM Chu Lai là khu vực có: ranh giới địa lý xác định thuộc lãnh thổ và chủ quyền của quốc gia; không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư, kinh doanh đặc biệt thuận lợi và bình đẳng; chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2. KKTM Chu Lai bao gồm thị trấn Núi Thành và các xã Tam Nghĩa, Tam Quang, Tam Hải, Tam Giang, Tam Hoà, Tam Hiệp, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam, Tam Tiến, Tam Xuân 1 và Tam Xuân 2 thuộc huyện Núi Thành; các xã Tam Thanh, Tam Phú, Tam Thăng và phường An Phú thuộc thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; có ranh giới địa lý được xác định như sau:

- a) Phía Đông giáp biển Đông;
- b) Phía Tây giáp xã Tam Mỹ và xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- c) Phía Nam giáp huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

d) Phía Bắc giáp huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. KKTM Chu Lai được thành lập nhằm mục tiêu:

1. Áp dụng các thể chế, cơ chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và bình đẳng, phù hợp với thông lệ quốc tế cho các loại hình đầu tư, kinh doanh của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

2. Áp dụng các mô hình, động lực mới cho phát triển kinh tế nhằm khắc phục những vướng mắc trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện hành trong khi chưa có điều kiện thực hiện trên phạm vi cả nước.

3. Phát triển sản xuất, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng ra thị trường thế giới.

4. Tạo việc làm, thúc đẩy việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho toàn bộ khu vực miền Trung, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực này với các vùng khác trong cả nước.

6. Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển KKTM Chu Lai cùng với Khu kinh tế Dung Quất để sau năm 2010, các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung.

Điều 4. Chính phủ khuyến khích và bảo hộ các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh tại KKTM Chu Lai trong các lĩnh vực: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và đô thị, phát triển công nghiệp, phát triển đô thị, cảng biển, kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch, giải trí, tài chính - ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, giáo dục, đào tạo, y tế, nhà ở, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác theo quy định của Quy chế này, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 5.

1. Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư vào sản xuất - kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong KKTM Chu Lai có quyền:

a) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất, thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong KKTМ Chu Lai của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng để xây dựng nhà xưởng, văn phòng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Thuê hoặc mua nhà xưởng, văn phòng, kho bãi đã được xây dựng trong KKTМ Chu Lai để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng ký kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng;

c) Sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai bao gồm: hệ thống đường giao thông, cảng biển, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý nước thải, xử lý chất thải và các dịch vụ chung khác trong KKTМ Chu Lai theo hợp đồng ký kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng;

d) Hưởng ưu đãi đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư - kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong KKTМ Chu Lai có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ các quy định của Quy chế này và quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; sử dụng đất đúng mục đích được giao hoặc được thuê, được thuê lại;

b) Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trên diện tích đất do nhà đầu tư trong KKTМ Chu Lai sử dụng;

c) Trả tiền thuê đất, tiền thuê lại đất, tiền thuê hoặc mua nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng theo hợp đồng ký kết;

d) Thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm cho Ban Quản lý KKTМ Chu Lai;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6.

1. Nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh toàn bộ hoặc một số hạng mục công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng (gọi chung là doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng) trong KKTМ Chu Lai có quyền:

a) Được Ban Quản lý KKTМ Chu Lai cho thuê đất hoặc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai để đầu tư xây dựng và kinh doanh toàn bộ hoặc một số hạng mục công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai;

b) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong KKTМ Chu Lai cho các nhà đầu tư để đầu tư vào sản xuất - kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong KKTМ Chu Lai theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Thu tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai do doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng đầu tư theo hợp đồng ký kết với bên thuê;

d) Xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi trong KKTМ Chu Lai để bán hoặc cho thuê;

đ) Định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai theo thỏa thuận của Ban Quản lý KKTМ Chu Lai; định giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, văn phòng kho bãi và tiền dịch vụ;

e) Cho nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) có khả năng về tài chính và kinh nghiệm gọi vốn đầu tư thuê, thuê lại một phần hoặc toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê để cho thuê lại đất, gọi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai;

g) Hưởng các ưu đãi đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong KKTМ Chu Lai có nghĩa vụ:

a) Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai theo đúng quy hoạch chi tiết, thiết kế và tiến độ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Ban Quản lý KKTМ Chu Lai quyết định việc chấm dứt hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai đối với các trường hợp quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; đồng thời, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất đã giao cho dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai nhằm đảm bảo chất lượng công trình;

c) Tuân thủ các quy định của Quy chế này, quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; sử dụng đất đúng mục đích được giao hoặc được thuê;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm cho Ban Quản lý KKTМ Chu Lai;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, hải quan và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. KKTМ Chu Lai được phép áp dụng các phương thức huy động vốn sau đây để đầu tư và phát triển:

a) Hàng năm, căn cứ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quan trọng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ thực hiện của dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan bố trí vốn từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn

ngân sách trung ương cho tỉnh Quảng Nam để triển khai các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quan trọng của KKTM Chu Lai;

b) Phát hành trái phiếu công trình đối với những dự án đầu tư xây dựng hạ tầng có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của KKTM Chu Lai theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu để huy động vốn đầu tư;

c) Ưu tiên việc sử dụng các nguồn vốn ODA và vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của KKTM Chu Lai và các trợ giúp kỹ thuật khác;

d) Thu hút vốn đầu tư theo các hình thức BOT, BT, BTO và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

đ) Huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho KKTM Chu Lai;

e) Huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật.

Mở rộng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn dưới các hình thức khác, theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI

Điều 8.

1. KKTM Chu Lai được tổ chức thành hai khu chức năng gồm: khu phi thuế quan và khu thuế quan. Quy mô, vị trí từng khu được xác định trong Quy hoạch chung xây dựng KKTM Chu Lai do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2004.

Khu phi thuế quan trong KKTM Chu Lai (sau đây gọi tắt là khu phi thuế quan) được bố trí tại xã Tam Quang, xã Tam Giang và một phần xã Tam Nghĩa, có quy mô khoảng 1.656 ha. Trong khu phi thuế quan có khu thương mại tự do gắn với một phần cảng Kỳ Hà. Khu phi thuế quan được ngăn cách với khu thuế quan trong KKTM Chu Lai và nội địa Việt Nam bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan.

Khu phi thuế quan có cơ quan hải quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa ra, vào khu phi thuế quan. Trong khu phi thuế quan không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài).

Khu thuế quan là khu vực còn lại của KKTM Chu Lai ngoài khu phi thuế quan. Trong khu thuế quan có các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vui chơi - giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư và khu hành chính.

2. Ban Quản lý KKTM Chu Lai được phép thuê công ty tư vấn nước ngoài tham gia quy hoạch chi tiết các khu chức năng như: khu du lịch, khu đô thị và khu phi thuế quan.

Điều 9. Hoạt động của khu phi thuế quan gắn với một phần cảng Kỳ Hà bao gồm các loại hình sản xuất, kinh doanh chủ yếu sau:

a) Sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ;

b) Thương mại hàng hóa bao gồm xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập - tái xuất, cửa hàng và siêu thị bán lẻ, cửa hàng và siêu thị miễn thuế;

c) Thương mại dịch vụ bao gồm phân loại, đóng gói, vận chuyển giao nhận hàng hóa quá cảnh, bảo quản, kho tàng, kho ngoại quan, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, vui chơi, giải trí, nhà hàng ăn uống;

d) Xúc tiến thương mại bao gồm hội chợ triển lãm, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, chi nhánh, văn phòng đại diện của các công ty trong nước và nước ngoài, tổ chức tài chính, ngân hàng và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

Điều 10.

1. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với nước ngoài và giữa các tổ chức kinh tế trong khu phi thuế quan với nhau được thực hiện theo quy định của pháp luật về quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài. Các tổ chức kinh tế hoạt động trong khu phi thuế quan được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu. Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu (trừ hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 15).

2. Không hạn chế thời gian lưu trữ hàng hóa trong khu phi thuế quan.

3. Tàu nước ngoài được phép trực tiếp vào cảng Kỳ Hà nhận hàng và giao hàng, phải làm thủ tục xuất nhập cảnh đối với tàu tại phao số 0 và không phải làm thủ tục xuất nhập cảnh đối với người.

Điều 11.

1. Hàng hóa ra, vào khu thuế quan thuộc KKTМ Chu Lai phải tuân theo các quy định của pháp luật về hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; được áp dụng thủ tục hải quan thuận lợi nhất.

2. Hàng hóa được tự do lưu thông giữa khu thuế quan và nội địa Việt Nam.

Điều 12.

1. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong KKTМ Chu Lai và nội địa Việt Nam được áp dụng theo quy định của pháp luật về quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu, pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với khu chế xuất trong KKTМ Chu Lai và các khu phi thuế quan khác được áp dụng theo quy định về quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài.

2. Các nhà đầu tư là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại khu thuế quan trong KKTМ Chu Lai và nội địa Việt Nam chỉ được nhập từ khu phi thuế quan hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam không cấm nhập khẩu hoặc không hạn chế nhập khẩu và được bán vào khu phi thuế quan những hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam không cấm xuất khẩu.

Điều 13. Cho phép các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông quốc tế theo lộ trình hội nhập quốc tế mà Việt Nam đã cam kết để phục vụ riêng cho KKTМ Chu Lai với mức phí do các nhà đầu tư tự quyết định.

Chương III ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 14.

1. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài được quyền lựa chọn thực hiện các dự án đầu tư tại KKTМ Chu Lai (trừ những dự án thuộc danh mục lĩnh

vực cấm đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư). Các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện trong khu thuế quan (ngoài khu phi thuế quan) thuộc KKTM Chu Lai thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các dự án đầu tư trong nước và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào KKTM Chu Lai được chấp thuận theo quy trình đăng ký đầu tư và thẩm tra đầu tư với thủ tục đơn giản nhất để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Các dự án đầu tư vào KKTM Chu Lai được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chính sách áp dụng đối với các khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật khác liên quan.

4. Tất cả các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKTM Chu Lai được: áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 9 năm tiếp theo; hưởng các ưu đãi khác về thuế áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 55 năm, kể từ ngày bắt đầu hoạt động sản xuất đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm thuộc diện hàng hóa trong nước chưa sản xuất được, được nhập khẩu để phục vụ sản xuất trong KKTM Chu Lai.

6. Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại KKTM Chu Lai.

7. Ngoài những ưu đãi được hưởng theo quy định tại Quy chế này, các dự án đầu tư của các nhà đầu tư là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKTM Chu Lai sau đây được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án:

a) Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ;

b) Dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế xã hội của khu vực sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

Điều 15.

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- a) Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu phi thuế quan;
- b) Hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài;
- c) Hàng hóa từ khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho khu chế xuất hoặc doanh nghiệp;
- d) Hàng hóa không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan (trừ hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ khu thuế quan trong KKTM Chu Lai và nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan để xuất khẩu ra nước ngoài mà không qua sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp thành sản phẩm tại khu phi thuế quan phải nộp thuế xuất khẩu, làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

3. Hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài và không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu từ khu phi thuế quan nhập vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong KKTM Chu Lai và nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu, làm thủ tục nhập khẩu theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

4. Hàng hóa được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong KKTM Chu Lai và nội địa Việt Nam phải: nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong sản phẩm, hàng hóa đó; làm thủ tục nhập khẩu theo quy định hiện hành; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

5. Hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan và hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam và khu thuế quan trong KKTM Chu Lai đưa vào khu phi thuế quan được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia

tăng là 0%. Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan đưa vào nội địa Việt Nam và khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong KKTM Chu Lai phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

6. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ mặt hàng có quy định riêng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt).

7. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan đưa vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong KKTM Chu Lai và nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

8. Nguyên liệu sản xuất, vật tư hàng hóa do các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khu phi thuế quan nhập từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào khu thuế quan (trừ khu chế xuất) trong KKTM Chu Lai và nội địa Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục hải quan và nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

9. Các dự án đầu tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa qua cảnh thực hiện theo các quy định chung.

Điều 16. Các tổ chức, cá nhân có công vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và các dự án đầu tư trong nước tại KKTM Chu Lai được thưởng theo Quy chế do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính.

Điều 17. Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại KKTM Chu Lai thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 18. Các nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) được đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu chức năng để cho thuê, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng trong KKTM Chu Lai theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở; người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài được thuê nhà ở gắn liền với quyền

sử dụng đất ở trong KKTM Chu Lai theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về đất đai.

Điều 19. Áp dụng chính sách một giá đối với hàng hóa, dịch vụ và tiền thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân, không phân biệt trong nước và nước ngoài, có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại KKTM Chu Lai.

Chương IV

SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI

Điều 20.

1. Toàn bộ diện tích đất, mặt nước chuyên dùng dành cho đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu phi thuế quan trong KKTM Chu Lai có trong Quy hoạch chung xây dựng KKTM Chu Lai do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong KKTM Chu Lai do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam giao một lần cho Ban Quản lý KKTM Chu Lai để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất được quy hoạch để xây dựng các khu chức năng trong KKTM Chu Lai.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được phê duyệt đối với diện tích đất, mặt nước chuyên dùng sử dụng cho các khu chức năng còn lại và các mục đích khác trong KKTM Chu Lai để giao cho Ban Quản lý KKTM Chu Lai theo kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm và 5 năm của KKTM Chu Lai đã được phê duyệt để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển KKTM Chu Lai.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chỉ đạo Ban Quản lý KKTM Chu Lai phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất (đối với diện tích đất, mặt nước chuyên dùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi) để giao cho Ban Quản lý KKTM Chu Lai thực hiện việc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ban Quản lý KKTM Chu Lai chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả

quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao theo đúng mục đích sử dụng đất và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng KKTМ Chu Lai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quy hoạch chi tiết xây dựng, Quy hoạch sử dụng đất 10 năm và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với trường hợp giao lại đất và cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất:

Trên cơ sở giá đất và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, mức miễn, giảm tiền thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định và các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, Ban Quản lý KKTМ Chu Lai quyết định: mức thu tiền sử dụng đất, mặt nước chuyên dùng; tiền thuê đất, mặt nước chuyên dùng; mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, mặt nước chuyên dùng; mức miễn, giảm tiền thuê đất, mặt nước chuyên dùng đối với từng dự án đầu tư nhằm bảo đảm khuyến khích đầu tư.

5. Đối với trường hợp giao lại đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: trên cơ sở phương án tài chính và giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt, Ban Quản lý KKTМ Chu Lai quyết định giao lại đất và cho thuê đất đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Các nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được giao đất hoặc thuê đất; các nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân nước ngoài được thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trong KKTМ Chu Lai và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với hình thức được giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 21. Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào các khu chức năng trong KKTМ Chu Lai; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong các khu chức năng và tái định canh, tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải và chất thải tập trung của các khu chức năng theo các chương trình hỗ trợ có mục tiêu.

Điều 22. Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trước khi xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai phải có hồ sơ xin phép Ban Quản lý KKTМ Chu Lai theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể

từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKTМ Chu Lai xem xét, quyết định và có văn bản trả lời nhà đầu tư.

Điều 23. Việc quản lý xây dựng các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKTМ Chu Lai được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC KINH DOANH, XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, CƯ TRÚ VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

Điều 24.

1. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh tại KKTМ Chu Lai và các thành viên gia đình được cấp thị thực xuất nhập cảnh có giá trị nhiều lần và thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc tại KKTМ Chu Lai; được cư trú, tạm trú có thời hạn trong KKTМ Chu Lai.

Bộ Công an hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản này.

2. Ban Quản lý KKTМ Chu Lai được cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh tại KKTМ Chu Lai theo quy định của pháp luật về lao động.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Ban Quản lý KKTМ Chu Lai thực hiện việc cấp Giấy phép lao động quy định tại khoản này.

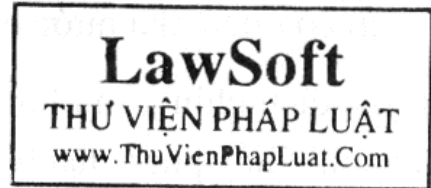
Điều 25. Việc mua bán, thanh toán, chuyển nhượng hàng hóa, dịch vụ và các quan hệ giao dịch khác giữa các các tổ chức kinh tế, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau được phép thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi thông qua tài khoản mở tại ngân hàng. Việc mua bán hàng hóa thông thường phục vụ sinh hoạt được thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

Điều 26.

1. Cho phép: các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng; các tổ chức tín dụng nước ngoài được mở chi nhánh, sở giao dịch, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch, văn phòng đại diện trong KKTМ Chu Lai để cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng khác

trong KKTМ Chu Lai theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng; các ngân hàng và công ty tài chính nước ngoài được đầu tư thành lập ngân hàng, công ty tài chính tại KKTМ Chu Lai.

2. Hàng hóa được vận chuyển ra hoặc vào khu phi thuế quan đều phải được định giá bằng đồng tiền tự do chuyển đổi; các loại phí nộp cho cơ quan quản lý nhà nước trong KKTМ Chu Lai được tính bằng Đồng Việt Nam, các loại phí khác được tính bằng đồng tiền tự do chuyển đổi hoặc được tính bằng Đồng Việt Nam theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.



Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI

Điều 27.

1. Ban Quản lý KKTМ Chu Lai do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Ban Quản lý KKTМ Chu Lai là cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, trực tiếp thực hiện quản lý tập trung, thống nhất hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển KKTМ Chu Lai theo quy định của Quy chế này, quy hoạch, kế hoạch và tiến độ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và pháp luật khác liên quan.

3. Ban Quản lý KKTМ Chu Lai có: tư cách pháp nhân; tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; trụ sở làm việc; biên chế chuyên trách; kinh phí hoạt động sự nghiệp; vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm.

4. Trưởng Ban Quản lý KKTМ Chu Lai do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bộ trưởng Bộ Nội vụ; các Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý KKTМ Chu Lai.

Điều 28. Ban Quản lý KKTМ Chu Lai có nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quy chế này, pháp luật về đầu tư, pháp luật khác liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung của

KKTM Chu Lai đề Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; lập quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết trong KKTM Chu Lai trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt; tổ chức quản lý, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra việc thực hiện Quy chế hoạt động, quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, kế hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi: Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thương mại, chi nhánh thương mại của các tổ chức và thương nhân nước ngoài; Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài; Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc, hoạt động đầu tư kinh doanh; Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa tại KKTM Chu Lai và các giấy phép, chứng chỉ khác theo ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Giao đất có thu tiền sử dụng đất, giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, mặt nước chuyên dùng cho nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng đất trong KKTM Chu Lai theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Xây dựng khung giá và mức phí, lệ phí áp dụng tại KKTM Chu Lai trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành theo quy định của pháp luật.

6. Làm đầu mối giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, triển khai và thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh và hoạt động tại KKTM Chu Lai.

7. Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan trong việc bảo đảm mọi hoạt động trong KKTM Chu Lai phù hợp với Quy chế này và quy hoạch, kế hoạch xây dựng, phát triển KKTM Chu Lai đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

8. Thực hiện nhiệm vụ quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn KKTM Chu Lai, quản lý các dự án xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tại KKTM Chu Lai theo quy định.

9. Tổ chức, triển khai, giới thiệu, đàm phán, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, dịch vụ trong và ngoài nước. Xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư,

thương mại, du lịch, dịch vụ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

10. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu của KKTM Chu Lai trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt để triển khai thực hiện.

11. Báo cáo định kỳ các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về tình hình triển khai quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển KKTM Chu Lai.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam giao trong từng thời kỳ.

Điều 29. Ban Quản lý KKTM Chu Lai được thu phí hoặc lệ phí sử dụng các công trình hạ tầng, tiện ích công cộng trong KKTM Chu Lai theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 30. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm:

1. Tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung của KKTM Chu Lai trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện đầu tư và phát triển dài hạn của KKTM Chu Lai.

2. Phê duyệt quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong KKTM Chu Lai, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất chi tiết trong KKTM Chu Lai; tiến hành thu hồi đất và giao đất cho Ban Quản lý KKTM Chu Lai để tổ chức triển khai xây dựng và phát triển KKTM Chu Lai theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 20 của Quy chế này.

3. Quy định giá đất và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất; mức miễn, giảm tiền thuê đất trong KKTM Chu Lai đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất và phê duyệt phương án tài chính và giá đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất.

4. Thực hiện quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư trong KKTM Chu Lai theo quy hoạch được duyệt; trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền danh mục các dự án đầu tư phát triển và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm tại KKTM Chu Lai.

5. Ban hành các chính sách ưu đãi và khuyến khích cụ thể phù hợp với các quy

định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc ưu tiên tuyển dụng và sử dụng lao động tại chỗ; hỗ trợ đào tạo nghề đối với lực lượng lao động ở địa phương; tạo điều kiện cho lực lượng lao động ở địa phương có thể vào làm việc tại các doanh nghiệp trong KKTM Chu Lai; khuyến khích và thu hút lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi từ các nơi khác về làm việc tại KKTM Chu Lai.

6. Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho công nhân; hỗ trợ xây dựng các khu tái định cư; hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; hỗ trợ xúc tiến đầu tư - thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển KKTM Chu Lai.

7. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thị xã Tam Kỳ, Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng; chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh phối hợp với Ban Quản lý KKTM Chu Lai thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp KKTM Chu Lai hoạt động được thuận lợi.

8. Cấp kinh phí hoạt động hành chính, sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển cho Ban Quản lý KKTM Chu Lai từ ngân sách theo kế hoạch hàng năm và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

9. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh phối hợp và tạo điều kiện cho Ban Quản lý KKTM Chu Lai thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để tổ chức quản lý KKTM Chu Lai phát triển nhanh và bền vững.

Điều 31.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và hành chính lãnh thổ đối với KKTM Chu Lai; hướng dẫn Ban Quản lý KKTM Chu Lai thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, quy hoạch, quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý và phát triển đô thị, quản lý đất đai, lao động, xuất nhập khẩu và một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này theo nguyên tắc "một cửa, tại chỗ" nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKTM Chu Lai và yêu cầu đầu tư phát triển của KKTM Chu Lai.

2. Đối với những lĩnh vực không phân cấp, không thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý KKTМ Chu Lai: các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với KKTМ Chu Lai bằng cách tổ chức các đơn vị trực thuộc nằm trong KKTМ Chu Lai (trừ lĩnh vực quản lý nhà nước về ngân hàng) và có quy chế phối hợp với Ban Quản lý KKTМ Chu Lai để thực hiện thẩm quyền được giao.

Điều 32. Cơ quan hải quan tại KKTМ Chu Lai thực hiện việc giám sát và quản lý hàng hóa lưu thông giữa khu phi thuế quan với nước ngoài và hàng hóa lưu thông giữa khu phi thuế quan với khu vực còn lại trên lãnh thổ Việt Nam.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Những quy định khác liên quan đến hoạt động, quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong KKTМ Chu Lai không quy định tại Quy chế này, được thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã, hải quan, đất đai, thương mại, lao động, môi trường, khoa học, công nghệ, thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 34. Những ưu đãi dành cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại KKTМ Chu Lai quy định tại Quy chế này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đã có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn KKTМ Chu Lai trước ngày ban hành Quy chế này cho thời gian ưu đãi còn lại, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng